

Bản án số: 91/2024/HS-ST
Ngày: 06-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận

Bà Đỗ Thị Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Ngọc Kiên - Kiểm sát viên trung cấp; Ông Đặng Hoàng Quân - Kiểm sát viên trung cấp, Vụ 6, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Kiểm sát viên được biệt phái).

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử số 02, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HS ngày 22/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Bùi Thị Thu H; sinh ngày 08/10/1973, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Số nhà I, tổ I, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Kiểm sát viên trung cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông: Bùi Văn N, sinh năm 1933 và bà Hà Thị C, sinh năm 1945; Chồng là Nguyễn Thanh C1 (đã ly hôn) và 02 người con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2024 tại Phân Trại tạm giam (T75), Trại tạm giam T771, Cục Đ1, Bộ Q1. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Vũ Đình H1; sinh ngày 06/06/1985; tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Kiểm sát viên sơ cấp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình L, sinh năm 1954 và bà Trần Thị T, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988 và 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/6/2023 tại Phân Trại tạm giam (T75), Trại tạm giam T771, Cục Đ1, Bộ Q1. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Trần Kim T1, sinh ngày 25/3/1973, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Trung tá, Điều tra viên trung cấp, Đội trưởng Đội Điều tra tổng hợp Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông: Trần Văn K, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1931 (đã chết). Bị cáo có vợ là Phạm Thị T2, sinh năm 1975 và 02 người con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2024 tại Trại tạm giam T771, Cục Đ1, Bộ Q1. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ tên: Nguyễn Thanh H3, sinh ngày 07/02/1991, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKHKTT: Tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường T, thành phố Đ tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Đại úy, Điều tra viên sơ cấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông: Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Nguyễn Văn B, sinh năm 1997 và 02 người con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2024 tại Phân Trại tạm giam (T75), Trại tạm giam T771, Cục Đ1, Bộ Q1. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ tên: Lê Xuân H4, sinh ngày 17/3/1982, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Số nhà H, tổ dân phố B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Phó Giám đốc Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Lê Xuân K2, sinh năm 1952 và bà Vũ Thị T4, sinh năm 1953; có chồng là Phạm Hồng P, sinh năm 1977 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/3/2024 đến ngày 22/5/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giam

và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân H4: Ông Nguyễn Hồng B1 và ông Nguyễn Văn N2, Luật sư thuộc Công ty L3 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: P, tầng D, số H, đường N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (Có mặt).

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Đức B2, sinh ngày 24/9/1996. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Vũ Xuân D, sinh ngày 07/11/1974. Địa chỉ: Số nhà A, tổ G, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Hoàng Trung H5, sinh ngày 14/8/1980. Địa chỉ: Số nhà F, tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Nguyễn Văn T5, sinh ngày 10/10/1990. Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh ngày 01/11/1973. Địa chỉ: Số nhà I, tổ H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Phạm Văn N3, sinh ngày 16/8/1990. Địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Đào Thị Thúy T6, sinh ngày 13/7/1978. Địa chỉ: Số A, tổ A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

(Các ông, bà Trần Đức B2, Vũ Xuân D, Hoàng Trung H5, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Thị L1, Phạm Văn N3, Đào Thị Thúy T6 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/6/2023, Vũ Đình H1, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đến tự thú tại Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và cung cấp USB ghi âm về hành vi trong quá trình H1 công tác tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã nhận hối lộ số tiền 80.000.000 đồng của Lê Xuân H4 là người có liên quan trong vụ án Đặng Thị T7 phạm tội “Tham ô tài sản” xảy ra tại Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên do H1 được Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phân công giải quyết. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Vũ Đình H1 về tội “Nhận hối lộ” và tiến hành điều tra, kết quả như sau:

Ngày 22/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ thụ lý giải quyết nguồn tin về tội phạm: Năm 2021, Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên thực hiện chương trình phẫu thuật miễn phí cho trẻ em khuyết tật tỉnh Điện Biên

từ 02 nguồn kinh phí do Trung tâm I (tổ chức phi lợi nhuận) tài trợ số tiền 94.050.000 đồng và Nhà nước cấp số tiền 77.500.000 đồng. Đặng Thị T7 là kế toán Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên được phân công cấp phát tiền hỗ trợ cho các bệnh nhân phẫu thuật miễn phí đã có hành vi lập khống một số hóa đơn, chứng từ để quyết toán hết số tiền này. Lê Xuân H4 là Phó Giám đốc phụ trách Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên duyệt ký các chứng từ do Đặng Thị T7 lập. Ngày 15/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ kết thúc giải quyết nguồn tin, ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đặng Thị T7 về tội “Tham ô tài sản” và phân công Nguyễn Thanh H3, Điều tra viên thụ lý chính, Trần Kim T1, Điều tra viên, Đội trưởng Đội điều tra tổng hợp, Trần Đức B2, cán bộ điều tra và 07 cán bộ điều tra khác điều tra vụ án. Ngày 25/8/2022, Vũ Đình H1 được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án này thay các ông Lê Thanh N4, Phạm Văn N3, Kiểm sát viên, Nguyễn Thanh T8, Kiểm tra viên được phân công trước đó.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Vũ Đình H1 thấy việc Lê Xuân H4 ký vào các danh sách bệnh nhân được hưởng trợ cấp do Đặng Thị T7 lập có dấu hiệu đồng phạm với T7 nên ngày 25/8/2022 H1 đã ban hành yêu cầu điều tra số 144/YCĐT-VKSTPĐBP để làm rõ nội dung này. Khi vụ án sắp hết hạn thời hạn điều tra, Điều tra viên chưa thực hiện các nội dung theo yêu cầu Điều tra số 144, H1 phát hiện thêm tại Phiếu thu do T7 lập giao cho Trung tâm II chữ viết “B” ở mục thủ quỹ không giống chữ viết, chữ ký của Hà Huy B3, thủ quỹ của Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên ở trong các tài liệu khác nên H1 cho rằng ngoài hành vi tham ô tài sản, T7 còn có dấu hiệu phạm tội giả mạo trong công tác nên ngày 26/10/2022 H1 lại ban hành yêu cầu Điều tra số 166/YCĐT-VKSTPĐBP và trao đổi với Điều tra viên Nguyễn Thanh H3 để gia hạn thời hạn điều tra vụ án.

Ngày 10/11/2022, theo yêu cầu của Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 trích xuất Đặng Thị T7 ra phòng làm việc tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ để Vũ Đình H1 hỏi cung T7 về những vấn đề liên quan đến chữ ký của Hà Huy B3 trong phiếu thu, nhưng H3 và H1 không lập biên bản. Sau khi làm việc xong với T7, Vũ Đình H1 nói với Nguyễn Thanh H3 gọi Lê Xuân H4 lên gặp H1, chiều cùng ngày Nguyễn Thanh H3 gọi điện thoại cho Lê Xuân H4 đến Công an thành phố Đ, khi H4 đến nơi, H3 chỉ cho H4 gặp H1 tại phòng làm việc ở tầng 4 của Công an thành phố Đ, tại đây H4 nhờ H1 giúp đỡ để H4 không bị xử lý hình sự, H4 nói sẽ đưa cho H1 80.000.000 đồng nên H1 đồng ý, trước khi ra về H4 đã xin số điện thoại của H1 để liên hệ.

Chiều cùng ngày 10/11/2022, sau khi chuẩn bị được 80.000.000 đồng (trong đó, vay của chị gái là Lê Thu H6 số tiền 50.000.000 đồng và tiền của gia đình 30.000.000 đồng) H4 gọi điện thoại hẹn gặp H1. Khoảng 18 giờ cùng ngày, H4 đem 80.000.000 đồng đến trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đưa cho Vũ Đình H1, H1 cầm tiền đem về phòng làm việc cất vào trong tủ. Sau khi

nhận tiền của H4, Vũ Đình H1 sang phòng làm việc của Bùi Thị Thu H, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ nói với H đã nhận của H4 số tiền 80.000.000 đồng, cùng ngày H1 gọi điện thoại nói cho Nguyễn Thanh H3 biết H1 đã nhận của H4 số tiền 80.000.000 đồng.

Để thực hiện những nội dung theo yêu cầu Điều tra số 166 và giúp Lê Xuân H4 không bị khởi tố, H3 trao đổi và thống nhất với H1 phối hợp đi công tác tại Hà Nội để làm việc với ông Đồng Văn A, Giám đốc và ông Phạm Văn L2, cán bộ của Trung tâm I. Vũ Đình H1 đã báo cáo với Bùi Thị Thu H xin chủ trương đi công tác để cùng H3 bổ sung căn cứ nhằm hợp pháp hóa hồ sơ để giúp H4 và đề nghị được trích 15.000.000 đồng trong số 80.000.000 đồng nhận của H4 để chi phí chuyến đi công tác và được H đồng ý. Nguyễn Thanh H3 cũng báo cáo đề xuất với Trần Kim T1 về việc đi công tác để hợp thức hồ sơ nhằm giúp H4 và việc H1 sẽ trích số tiền 15.000.000 đồng trong tổng số 80.000.000 đồng nhận của H4 để chi phí cho chuyến đi công tác, T1 đồng ý và làm thủ tục trình Lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ quyết định cho H3 đi công tác với H1 như đề xuất của H3. Ngày 22/11/2022, Vũ Đình H1 chuyển khoản cho Nguyễn Thanh H3 số tiền 5.000.000 đồng để H3 đặt mua vé máy bay đi Hà Nội, ngày 23/11/2022, khi ra đến sân bay, H1 tiếp tục chuyển khoản cho H3 số tiền 10.000.000 đồng để chi phí chuyến công tác. Chiều 23/11/2022, H1 và H3 làm việc với ông Đồng Văn A và Phạm Văn L2 với nội dung hợp thức làm nhẹ tội cho T7 từ đó giúp cho H4, chi phí cho chuyến công tác hết 13.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.000.000 đồng, H3 và H1 chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, H3 chuyển khoản cho H1 1.000.000 đồng ngày 24/11/2022.

Chiều ngày 24/11/2022, Trần Kim T1 đến tại phòng làm việc của H1 hỏi kết quả chuyến công tác, do trước đó H1 đã đề xuất và được H đồng ý chia đôi số tiền 65.000.000 đồng đưa cho Trần Kim T1 một nửa nên H1 lấy số tiền 32.500.000 đồng để trong tủ đưa cho T1.

Để giúp Lê Xuân H4 không bị xử lý hình sự, Nguyễn Thanh H3 đánh máy lại 02 biên bản ghi lời khai của H4 ngày 23, 24/4/2022 do Điều tra viên T1 và cán bộ điều tra Trần Đức B2 lập và hướng dẫn H4 viết lại Bản tự khai đề ngày 23/4/2022 sửa nội dung từ việc H4 khai nhận hành vi đồng phạm với T7 về tội “Tham ô tài sản” thành H4 không đồng ý, không đồng phạm với T7 về tội “Tham ô tài sản”, sau đó H3 đưa cho H4 ký trước rồi đưa cho T1 và B2 ký lại 02 Biên bản này, khi T1 và B2 ký lại 02 biên bản sai lệch nội dung, H3 đưa 02 biên bản và bản tường trình viết lại của H4 cho cán bộ điều tra để đưa cho ông Phạm Văn N3 là Kiểm sát viên được phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm đóng dấu bút lục (cả H3 và N3 đều không nhớ cán bộ đưa hai Biên bản này là ai). Sau đó H3 đưa 02 biên bản đã sửa lại và bản tường trình của H4 viết lại vào hồ sơ vụ án và rút bản tường trình ngày 23/4/2022 của Lê Xuân H4 ra khỏi hồ sơ vụ án nhưng bản sao của bản tường trình này vẫn được lưu trong hồ sơ kiểm sát.

Sau khi hoàn tất hồ sơ, Nguyễn Thanh H3 xây dựng Kết luận điều tra vụ án và trình ông Vũ Xuân D là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ duyệt ký ban hành ngày 29/12/2022, đồng thời, chuyển Bản kết luận điều tra cùng toàn bộ hồ sơ vụ án sang Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đề nghị truy tố Đặng Thị T7 tham ô số tiền 51.956.000 đồng, Vũ Đình H1 xây dựng Cáo trạng trình bà Nguyễn Thị L1, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ duyệt ký Cáo trạng số 12/CT-VKSTPĐBP ngày 27/01/2023 truy tố Đặng Thị T7 về tội “Tham ô tài sản” với số tiền 51.956.000 đồng và chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ để xét xử sơ thẩm.

Ngày 14/02/2023, H1 chuyển khoản cho Bùi Thị Thu H số tiền 32.500.000 đồng. Cuối tháng 02/2023, H gọi H1 sang phòng làm việc của H và chia cho H1 số tiền 10.000.000 đồng trong số 32.500.000 đồng H1 đã chuyển khoản, Vũ Đình H1 dùng điện thoại ghi âm lại cuộc nói chuyện này.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành các Quyết định trưng cầu giám định USB do H1 cung cấp; điện thoại của Đặng Thị T7, Lê Xuân H4, Bùi Thị Thu H, Nguyễn Thanh H3 và giám định con dấu, chữ viết trong các tài liệu thu giữ kết quả như sau:

Kết luận giám định số 177/KL-KTHS ngày 05/7/2023, số 29/KL-KTHS ngày 13/10/2023 của V Bộ C2 đều kết luận: File ghi âm không có dấu hiệu bị cắt ghép, không xác định được giọng nói do chất lượng file ghi âm kém. Bản dịch của 02 kết luận giám định này có sự khác nhau và khác so với Bản lược dịch của Vũ Đình H1 và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao nên ngày 07/12/2023, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao Quyết trưng cầu giám định lại lần thứ hai. Tại Kết luận giám định số 137/KL-KTHS ngày 30/01/2024 của V Bộ C2 kết luận và dịch thành văn bản có nội dung: *H chia cho H1 10.000.000 đồng trong tổng số tiền 32.500.000 đồng nhận của H4 mà H1 đã chuyển cho H, ngoài ra, H chia cho H1 số tiền 10.000.000 đồng trong tổng số 20.000.000 đồng trong vụ đánh bạc.*

Kết luận giám định số 108/KL-GĐKTHS ngày 23/4/2024 của Phòng K4 Bộ Q1 kết luận: Lê Xuân H4, Trần Kim T1, Trần Đức B2 ký 02 biên bản ghi lời khai Lê Xuân H4 ngày 23, 24/4/2022. Lê Xuân H4, Nguyễn Thanh H3 ký vào Bản tự khai Lê Xuân H4 đề ngày 23/4/2022. Hình con dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đóng trên 02 biên bản ghi lời khai Lê Xuân H4 ngày 23, 24/4/2022 và B4 tự khai của Lê Xuân H4 là con dấu cấp mới vào ngày 28/7/2022. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tra cứu lịch sử các cuộc gọi, tin nhắn đi đến trong điện thoại của Lê Xuân H4, Trần Kim T1, Bùi Thị Thu H, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 đã phát hiện trong giai đoạn điều tra vụ án Đặng Thị T7, Lê Xuân H4, Trần Kim T1, Bùi Thị Thu H, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 phát sinh nhiều cuộc gọi phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Lê Xuân H4, Vũ Đình H1, Bùi Thị Thu H, Nguyễn Thanh H3 khai nhận về hành vi phạm tội, bị cáo Trần Kim T1 không thừa nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo Trần Kim T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vũ Đình H1 được hưởng lợi số tiền 17.500.000 đồng; Bùi Thị Thu H được hưởng lợi số tiền 22.500.000 đồng, Nguyễn Thanh H3 được hưởng lợi số tiền 7.500.000 đồng, Trần Kim T1 được hưởng lợi số tiền 32.500.000 đồng, số tiền này các bị cáo Vũ Đình H1, Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1 đã chi tiêu cá nhân hết, bị cáo Nguyễn Thanh H3 đã chi tiêu cho chuyến đi công tác 6.500.000 đồng, số tiền 1.000.000 đồng bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 21/3/2024, Lê Xuân H4 đến Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đầu thú về hành vi đưa 80.000.000 đồng cho Vũ Đình H1 và tự thú về hành vi đã đưa cho Nguyễn Thanh H3 số tiền 20.000.000 đồng trong giai đoạn giải quyết vụ việc trên để Nguyễn Thanh H3 giúp đỡ giải quyết vụ việc nhanh chóng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ.

Tại bản Cáo trạng số: 4154/CT-VKSTC-V6 ngày 23/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Lê Xuân H4 về tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự. Phân công Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án này theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Nguyễn Thanh H3.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/3/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H3 từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 08/4/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Kim T1 từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 08/4/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, r, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đình H1 từ 18 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều Điều 364; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Xuân H4 từ 09 đến 12 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 364 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Xuân H4.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các tài sản sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 của Lê Xuân H4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12s của Bùi Thị Thu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max của Nguyễn Thanh H3.

Tịch thu tiêu hủy 01 tờ giấy A4 có nội dung “Danh sách trẻ em chưa được nhận đầy đủ chế độ hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên trong chương trình phẫu thuật miễn phí cho trẻ em khuyết tật năm 2021”.

Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 32.500.000 đồng của bị cáo Bùi Thị Thu H; số tiền 7.500.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh H3; số tiền 5.200.000 đồng của bị cáo Vũ Đình H1; số tiền 32.500.000 đồng của bị cáo Trần Kim T1 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Truy thu của bị cáo Vũ Đình H1 số tiền 22.300.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- *Trả lại các tài sản, tài liệu sau:*

+ Trả lại cho Phòng Tài chính, Kế hoạch thành phố Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51.

+ Trả lại cho Lê Xuân H4 01 ổ cứng SSD nhãn hiệu “eekoo” và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A05; 01 sổ theo dõi hàng tài trợ của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên.

+ Trả lại cho Công an thành phố Đ 01 ổ cứng HDD ký hiệu “ExosTM 7E8” thu tại cây máy tính Nguyễn Thanh H3 sử dụng.

+ Trả lại cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ 01 sổ công văn đi; 02 ổ cứng máy tính di động, trong đó 01 ổ cứng có ký hiệu K3 và 01 ổ cứng có ký hiệu WD Elements.

+ Trả lại cho Trần Kim T1 01 quyển sổ công tác.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn T5 01 ổ cứng máy tính di động ký hiệu GIGABYTE.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Vân B số tiền 7.500.000 đồng (số tiền nộp thay để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thanh H3 còn thừa).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Nguyễn Thanh H3, Vũ Đình H1, Lê Xuân H4 nhất trí với nội dung Cáo trạng và Luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố đối với các bị cáo. Trong phần tranh luận các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Nguyễn Thanh H3 nhất trí với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, việc không áp hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, tuy nhiên các bị cáo đều có ý kiến cho rằng mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc với lý do bị cáo H1 tự ý nhận hối lộ, các bị cáo không chỉ đạo việc này, số tiền mỗi bị cáo hưởng lợi không nhiều; các bị cáo đều đã khắc phục hậu quả, đã bị xử lý hình sự để trả giá cho hành vi vi phạm của mình, các bị cáo rất hối hận vì vậy đề nghị Đại diện Viện kiểm sát giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về việc áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại Bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Lê Xuân H4, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo H4 về tội “Đưa hối lộ” quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo H4 không có ý kiến gì bổ sung vào bản luận cứ bào chữa.

Trong phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo H4 và bị cáo H4 đều có ý kiến bị cáo H4 là người có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 03 tuổi; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, đề nghị Đại diện Viện kiểm sát xem xét xử phạt bị cáo 01 năm tù cho hưởng án treo để bị cáo vừa có điều kiện chăm sóc con nhỏ vừa có điều kiện chấp hành án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đối với bị cáo H4 và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Nguyễn Thanh H3, Vũ Đình H1, Lê Xuân H4 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo

[1.1]. Hành vi của bị cáo Lê Xuân H4: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Xuân H4 khai nhận khoảng 18 giờ ngày 10/11/2022, tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, H4 đã đưa cho Vũ Đình H1 là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 80.000.000 đồng để giúp H4 không bị xử lý hình sự trong vụ án Đặng Thị T7, phạm tội “Tham ô tài sản” xảy ra tại Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên. Hành vi của bị cáo H4 phù hợp với lời khai của các bị cáo Vũ Đình H1, Bùi Thị Thu H, Nguyễn Thanh H3, Trần Kim T1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không có căn cứ nào chứng minh bị cáo không phạm tội. Với hành vi trực tiếp đưa cho Vũ Đình H1 số tiền 80.000.000 đồng vì mục đích lợi ích cá nhân có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Xuân H4 phạm tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[1.2]. Về hành vi của các bị cáo Vũ Đình H1, Bùi Thị Thu H, Nguyễn Thanh H3, Trần Kim T1:

Trong đơn đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Đình H1 khai nhận ngày 10/11/2022, tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Vũ Đình H1 đã nhận của Lê Xuân H4 số tiền 80.000.000 đồng để giúp H4 không bị xử lý hình sự trong vụ án Đặng Thị T7 phạm tội “Tham ô tài sản” xảy ra tại Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên khi H1 được Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phân công giải quyết vụ án. Sau khi nhận được số tiền này H1 đã báo cáo với Bùi Thị Thu H khi đó là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và thông báo cho Nguyễn Thanh H3 khi đó là Điều tra viên thụ lý chính biết, Nguyễn Thanh H3 cũng báo cáo cho Trần Kim T1 biết. Để giúp Lê Xuân H4, Vũ Đình H1 đã báo cáo với Bùi Thị Thu H, Nguyễn Thanh H3 đã báo cáo với Trần Kim T1 xin đi Hà Nội công tác để bổ sung căn cứ nhằm hợp pháp hóa hồ sơ đồng thời đề nghị được trích số tiền 15.000.000 đồng trong số tiền H1 đã nhận của H4 để chi phí đi công tác và được H, T1 đồng ý. H1 đã chuyển khoản 02 lần cho H3 với số tiền 15.000.000 đồng. Nguyễn Thanh H3 chi phí cho chuyến công tác hết 13.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.000.000 đồng, H3 và H1 chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng. Ngày 14/02/2023, Vũ Đình H1 chuyển khoản cho Bùi Thị T9 H số tiền 32.500.000 đồng là số tiền còn lại sau khi đã chi 15.000.000 đồng và đưa 32.500.000 đồng cho T1 trong tổng số 80.000.000 đồng H1 đã nhận của H4.

Cuối tháng 02/2023, Bùi Thị Thu H gọi Vũ Đình H1 sang phòng làm việc của H và chia cho H1 số tiền 10.000.000 đồng trong số 32.500.000 đồng H1 đã chuyển khoản cho H. Vũ Đình H1 được hưởng lợi số tiền 17.500.000 đồng (trong đó 6.500.000 đồng chi tiêu cho chuyển công tác, 1.000.000 đồng H3 trả lại và 10.000.000 đồng H đưa), Bùi Thị Thu H được hưởng lợi số tiền 22.500.000 đồng, Trần Kim T1 được hưởng lợi số tiền 32.500.000 đồng, số tiền này các bị cáo đã chi tiêu hết. Nguyễn Thanh H3 được hưởng lợi số tiền 7.500.000 đồng đã chi phí cho chuyển công tác Hà Nội 6.500.000 đồng, còn 1.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Hành vi của các bị cáo phù hợp với đơn tự thú của Vũ Đình H1, đơn đầu thú của Lê Xuân H4, Kết luận giám định số 137/KL-KTHS ngày 30/01/2024 của V Bộ C2, Kết luận giám định số 108/KL-GĐKTHS ngày 23/4/2024 của Phòng K4 Bộ Q1, các bản hỏi cung và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không có căn cứ nào chứng minh các bị cáo không phạm tội. Với hành vi nhận và sử dụng số tiền 80.000.000 đồng của Lê Xuân H4 để giúp H4 không bị xử lý hình sự trong vụ án Đặng Thị T7 phạm tội “Tham ô tài sản” xảy ra tại Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Vũ Đình H1, Bùi Thị Thu H, Nguyễn Thanh H3, Trần Kim T1 phạm tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội: Hành vi nhận hối lộ của các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 và hành vi đưa hối lộ của bị cáo Lê Xuân H4 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn của cơ quan thực thi pháp luật gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và làm giảm lòng tin của người dân đối với các cơ quan tổ tụng của thành phố Đ nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự đây là vụ án đồng phạm gián đơn bị cáo H1 là người trực tiếp thỏa thuận và nhận của Lê Xuân H4 số tiền 80.000.000 đồng nên giữ vai trò chính. Các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Nguyễn Thanh H3 là những người biết bị cáo H1 nhận hối lộ, nhưng bỏ mặc và được hưởng lợi từ số tiền 80.000.000 đồng mà bị cáo H1 đã nhận nên là đồng phạm với vai trò thứ yếu. Tội phạm mà các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 vi phạm là tội phạm nghiêm trọng. Tội phạm mà bị cáo Lê Xuân H4 vi phạm là tội phạm ít nghiêm trọng.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 và Lê Xuân H4 đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Bùi Thị Thu H, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3, Trần Kim T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Các bị cáo H, H3, T1 đã tác động gia đình thay các bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền đã hưởng lợi; gia đình bị cáo H nộp số tiền 32.500.000 đồng, gia đình bị cáo H3 nộp số tiền 15.000.000 đồng; gia đình bị cáo T1 nộp số tiền 32.500.000 đồng; gia đình bị cáo H1 đã nộp lại một phần là 5.200.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên; quá trình công tác các bị cáo đều là những người có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp. Bị cáo Vũ Đình H1 có bố đẻ là ông Vũ Đình L được cấp Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và được hưởng trợ cấp hàng tháng, Huy chương chiến sĩ giải phóng; bị cáo Bùi Thị Thu H có bố đẻ là ông Bùi Văn N được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất; bị cáo Nguyễn Thanh H3 có bố đẻ là ông Nguyễn Mạnh T3 được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì năm 2006 và 2013 và có ông, bà ngoại được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Trần Kim T1 có vợ được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba và Huy chương quân kỳ quyết thắng, có ông, bà được tặng Huy chương kháng chiến, có bố, mẹ vợ là chiến sĩ Điện Biên được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H1 đến Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tự thú về hành vi phạm tội; trong quá trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Xuân H4 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình công tác được tặng thưởng bằng khen, giấy khen; bị cáo đến Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đầu thú, bị cáo có chồng là Phạm Hồng P nhiều năm liền đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, bằng khen của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bằng khen của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, ông của bị cáo được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Nguyễn Thanh H3, Vũ Đình H1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo quy định tại khoản 1

Điều 54 Bộ luật Hình sự các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do vậy có đủ điều kiện được xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 đều là những người có chức danh tư pháp, nhưng không có ý thức chấp hành pháp luật vì lợi ích đã vi phạm pháp luật. Mặc dù các bị cáo có đủ điều kiện áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự, nhưng vẫn cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mức độ tham gia của các bị cáo là khác nhau theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp với hành vi của từng bị cáo.

Bị cáo Vũ Đình H1 là người trực tiếp thỏa thuận và nhận tiền của Lê Xuân H4 được hưởng lợi số tiền là 17.500.000 đồng, vai trò của bị cáo là cao hơn so với các bị cáo khác, do vậy mức hình phạt của bị cáo sẽ cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

Bị cáo Bùi Thị Thu H được hưởng lợi số tiền 22.5000.000 đồng, bị cáo là người có chức danh, chức vụ khi biết bị cáo H1 nhận hối lộ đã không nêu cao trách nhiệm của mình lại bỏ mặc cho H1 vi phạm pháp luật và hưởng lợi từ số tiền H1 nhận hối lộ, do vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe tuy nhiên bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ly hôn chồng, hiện bị cáo có 01 người con đang học lớp 9, bố mẹ đẻ đều đã già yếu, em trai bị khuyết tật trước khi phạm tội bị cáo đang phải chăm sóc, bị cáo có nhiều năm công tác cống hiến trong ngành Viện kiểm sát; vì vậy Hội đồng xét xử xem xét hình phạt phù hợp với bị cáo.

Bị cáo Trần Kim T1 được hưởng lợi số tiền 32.500.000 đồng, bị cáo là người có chức danh, chức vụ khi biết bị cáo H1 nhận hối lộ đã không nêu cao trách nhiệm của mình lại bỏ mặc và hưởng lợi từ số tiền H1 nhận hối lộ, do vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, tuy nhiên bị cáo đã có nhiều năm công tác, cống hiến trong ngành Công an, cơ quan nơi bị cáo công tác có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do vậy Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh H3 tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu, số tiền được hưởng lợi cũng ít hơn so với các bị cáo khác, cơ quan nơi bị cáo công tác có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy mức hình phạt đối với bị cáo sẽ thấp hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

Bị cáo Lê Xuân H4 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có mức hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo có việc làm ổn định và nơi cư trú rõ ràng, bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 03 tuổi; bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo, tu dưỡng rèn luyện ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo, để bị cáo vừa có điều kiện chấp hành án vừa có điều kiện được chăm sóc con nhỏ đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Việt Nam, việc cho bị cáo H4 hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là đảm bảo tính răn đe và giáo dục, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

[4.1]. Theo quy định tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, có thể bị phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy các bị cáo đều bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo.

[4.2]. Theo quy định tại khoản 5 Điều 364 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Xuân H4 còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét thấy bị cáo là cán bộ công chức Nhà nước, gia đình đang nuôi 03 con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao do đó các hành vi, Quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6]. Các vấn đề khác:

- Lê Xuân H4 tự thú về hành vi đã đưa cho Nguyễn Thanh H3 số tiền 20.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nên Cơ quan Điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao không đủ căn cứ xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bà Nguyễn Thị L1 là Phó Viện trưởng; ông Nguyễn Văn T5, ông Phạm Văn N3 là Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ có vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và vi phạm quy trình về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, xét xử vụ án hình sự nhưng xuất phát từ việc nhận thức khác nhau về nội dung vụ án, không có động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Kiến nghị số 20/KN-VKSTC-C1(P6) yêu cầu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên xử lý những cán bộ này theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Hoàng Trung H5 là Phó Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ được phân công chỉ đạo hoạt động điều tra từ ngày 15/8/2022 đến ngày 13/12/2022 chuyển công tác và ông Vũ Xuân D là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thiếu kiểm tra, giám sát không phát hiện được cán bộ dưới quyền thực hiện hành vi phạm tội. Ông Trần Đức B2, cán bộ điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ là cán bộ cấp dưới của Điều tra viên H5 do tin tưởng và theo chỉ đạo của H5 nên đã ký lại vào 02 biên bản ghi lời khai của Lê Xuân H4 do Điều tra viên H5 đưa, đã vi phạm quy định về tố tụng hình sự và kỷ luật của Ngành Công an. Quá trình điều tra xác định những cán bộ này không có động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Kiến nghị số 19/KN-VKSTC-C1(P6) gửi Giám đốc Công an tỉnh Đ để xử lý trách nhiệm cán bộ theo quy định vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bà Đào Thị Thúy T6 là Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ được phân công xét xử sơ thẩm vụ án đã đề cho Nguyễn Văn T5 và Nguyễn Thanh H3 đổi lại Cáo trạng và Bản kết luận điều tra đã vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quy trình giải quyết vụ án. Khi nghiên cứu hồ sơ có vi phạm tố tụng nghiêm trọng (có 02 biên bản ghi lời khai của Lê Xuân H4 trùng ngày, giờ khác nội dung) nhưng bà T6 không phát hiện được. Quá trình điều tra xác định bà T6 không có động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.1]. Tịch thu và truy thu sung ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 của Lê Xuân H4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12S của Bùi Thị Thu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng của Nguyễn Thanh H3 là phương tiện phạm tội.

- Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 32.500.000 đồng khắc phụ hậu quả do Nguyễn Thanh C1 nộp thay cho bị cáo Bùi Thị Thu H theo Biên lai thu tiền số

0001637, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (trong đó 22.500.000 đồng là tiền nhận hối lộ, 10.000.000 đồng là tiền bị cáo và H1 mỗi người được 10.000.000 đồng nhưng không nhớ được nhận tiền của ai, vào thời điểm nào, đây là tiền bất hợp pháp nên cần phải truy thu số tiền này để sung ngân sách Nhà nước).

- Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 7.500.000 đồng khắc phụ hậu quả do Nguyễn Văn B nộp thay cho bị cáo Nguyễn Thanh H3 theo Biên lai thu tiền số 0001638, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

- Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 32.500.000 đồng khắc phụ hậu quả do Phạm Thị T2 nộp thay cho bị cáo Trần Kim T1 theo Biên lai thu tiền số 0001689, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

- Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 5.200.000 đồng khắc phụ hậu quả do ông Vũ Đình L nộp thay cho bị cáo Vũ Đình H1 theo Biên lai thu tiền số 0001643, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Truy thu của bị cáo Vũ Đình H1 số tiền 22.300.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước (trong đó 12.300.000 đồng là tiền nhận hối lộ, 10.000.000 đồng là tiền bị cáo và H mỗi người được 10.000.000 đồng nhưng không nhớ được nhận tiền của ai, vào thời điểm nào, đây là tiền bất hợp pháp nên cần phải truy thu số tiền này để sung ngân sách Nhà nước).

[7.2]. Trả lại các tài sản, tài liệu sau:

+ Trả lại cho Phòng Tài chính, Kế hoạch thành phố Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51.

+ Trả lại cho Lê Xuân H4 01 ổ cứng SSD nhãn hiệu “eekoo” và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A05; 01 sổ theo dõi hàng tài trợ của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên;

+ Trả lại cho Công an thành phố Đ 01 ổ cứng HDD ký hiệu “ExosTM 7E8” thu tại cây máy tính Nguyễn Thanh H3 sử dụng.

+ Trả lại cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ 01 sổ công văn đi; 02 ổ cứng máy tính di động, trong đó 01 ổ cứng có ký hiệu K3 và 01 ổ cứng có ký hiệu WD Elements.

+ Trả lại cho Trần Kim T1 01 quyển sổ công tác.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn T5 01 ổ cứng máy tính di động ký hiệu GIGABYTE.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Văn B số tiền 7.500.000 đồng (số tiền nộp thay để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thanh H3 còn thừa).

[8]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3, Lê Xuân H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3 phạm tội “Nhận hối lộ”. Bị cáo Lê Xuân H4 phạm tội “Đưa hối lộ”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Nguyễn Thanh H3.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H 01 năm 01 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H3 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 08/4/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Kim T1 01 năm 01 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 08/4/2024.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, r, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Đình H1.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đình H1 01 năm 04 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 06/6/2023.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo Lê Xuân H4.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân H4 01 năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án (ngày 06/8/2024).

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu và truy thu sung ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 của Lê Xuân H4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12S của Bùi Thị Thu H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng của Nguyễn Thanh H3.

- Sung ngân sách Nhà nước số tiền 32.500.000 đồng do Nguyễn Thanh C1 nộp thay cho bị cáo Bùi Thị Thu H theo Biên lai thu tiền số 0001637 ngày 20/5/2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

- Sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.500.000 đồng do Nguyễn Văn B nộp thay cho bị cáo Nguyễn Thanh H3 theo Biên lai thu tiền số 0001638 ngày 20/5/2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

- Sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.200.000 đồng do ông Vũ Đình L nộp thay cho bị cáo Vũ Đình H1 theo Biên lai thu tiền số 0001643 ngày 28/6/2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

- Sung Ngân sách Nhà nước số tiền 32.500.000 đồng do bà Phạm Thị T2 nộp thay cho bị cáo Trần Kim T1 theo Biên lai thu tiền số 0001689 ngày 05/8/2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

- Truy thu của bị cáo Vũ Đình H1 số tiền 22.300.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

3.2. Trả lại các tài sản, tài liệu sau:

+ Trả lại cho Phòng Tài chính, Kế hoạch thành phố Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51 của Đặng Thị T7.

+ Trả lại cho Lê Xuân H4: 01 ổ cứng SSD nhãn hiệu “eekoo” và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A05 màu xám; 01 sổ theo dõi hàng tài trợ của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Điện Biên, bìa màu hồng và 02 tờ A4;

+ Trả lại cho Công an thành phố Đ: 01 ổ cứng HDD ký hiệu “ExosTM 7E8”, màu trắng (thu giữ từ máy tính của Đội Điều tra tổng hợp Công an thành phố Đ).

+ Trả lại cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ: 01 sổ công văn đi; 02 ổ cứng máy tính số hóa hồ sơ của VKSND thành phố Điện Biên Phủ,

gồm: 01 ổ cứng di động có ký hiệu Kingston, màu đen và 01 ổ cứng di động có ký hiệu WD Elements, màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Kim T1: 01 quyển SỔ CÔNG TÁC màu nâu.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn T5: 01 ổ cứng máy tính di động ký hiệu GIGABYTE, màu đen.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Vân B: Số tiền 7.500.000 đồng (số tiền nộp thay để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thanh H3 còn thừa).

(Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2024).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3, Lê Xuân H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Bùi Thị Thu H, Trần Kim T1, Vũ Đình H1, Nguyễn Thanh H3, Lê Xuân H4 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/8/2024).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Vụ 6 – VKSNDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương